

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2026/DS-PT

Ngày: 26/01/2026

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Hồng Hà

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 520/2025/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 98/2025/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 765/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: bà Lê Ngọc V, sinh năm 1976 – chủ hộ kinh doanh Thanh Hiền

Địa chỉ: ấp C, xã C, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Ngọc V là ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp C, xã C, tỉnh Vĩnh Long (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 26/01/2026) (có mặt).

Bị đơn:

-Bà Mai Thị T (Mai Thị Bạch T), sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

-Ông Mai Văn K, sinh năm 1947 (vắng mặt)

-Bà Mai Thị N, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của bà Mai Thị N là Nguyễn Ngọc Minh T1, sinh năm 2003. Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 29/9/2025) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mai Thị N là Luật sư Phan Văn H1 (Công ty L) thuộc đoàn Luật sư tỉnh V (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1970.Địa chỉ: ấp C, xã C, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người kháng cáo: bà Lê Ngọc V là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Ngọc V và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn khai:

Năm 2016 và năm 2017 phía nguyên đơn có hợp đồng mua bán thức ăn gia súc với bà Mai Thị T và ông Mai Văn K, việc mua bán chỉ thỏa thuận miệng, thời hạn thanh toán khi đàn heo xuất chuồng, khi giao nhận thức ăn thì bà Mai Thị T là người nhận trực tiếp và ghi vào sổ theo dõi của cửa hàng. Qua nhiều lần mua bán và thanh toán đến ngày 14/3/2017 hai bên đối chiếu và xác nhận công nợ bà Mai Thị T còn nợ cửa hàng số tiền 163.300.000đ. Sau nhiều lần xuất chuồng heo, nhưng bà Mai Thị T không thanh toán đủ tiền cho cửa hàng 163.300.000đ. Đồng thời ông Mai Văn K xác nhận công nợ “tôi và con tôi Mai Thị T có nợ tiền thức ăn của cửa hàng T2 số tiền 163.300.000đ. Đến ngày 14/3/2024 bà Mai Thị N ký xác định công nợ và nếu Mai Thị T không thanh toán cho cửa hàng T2 thì bà sẽ trả số tiền trên. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng phía chị T, ông K, bà N vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho cửa hàng. Nay nguyên đơn yêu cầu Mai văn K, Mai Thị N và Mai Thị T có nghĩa vụ trả cửa hàng số tiền 163.300.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bà Mai Thị T (Mai Thị bạch T) khai:

Bà thừa nhận vào năm 2016 và năm 2017 có mua thức ăn của cửa hàng T2 nhiều lần hiện còn nợ số tiền 163.300.000đ chưa thanh toán. Do làm ăn thua lỗ nên không có khả năng thanh toán. Nay bà đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 163.300.000đ.

Bà Mai Thị N khai: Bà là chị ruột của bà T, trước đây có giới thiệu cho bà T mua thức ăn của bà V, ông H. Do trong quá trình chăn nuôi bà T bị thua lỗ nên thiếu tiền nguyên đơn. Ngày tháng năm bà không nhớ rõ ông H có đem giấy tờ xuống kêu ký tên xác nhận bà T còn nợ số tiền 163.300.000đ để ông H về báo lại công ty, chứ bà không ký tên bảo lãnh trả nợ cho bà T. Thời điểm ký tên vào văn bản thì bà không có đọc lại nội dung. Nay ông H, bà V yêu cầu bà cùng ông K, bà T trả số tiền còn nợ 163.300.000đ bà không đồng ý, vì đây là số tiền bà T nợ nên bà T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn.

Ông Mai Văn K khai: Ông là cha ruột của bà T, trước đây bà T có xây dựng chuồng heo trên đất của ông để chăn nuôi heo, nhưng trong quá trình chăn nuôi bị thua lỗ nên không thanh toán tiền cho nguyên đơn. Ngày tháng năm ông không nhớ ông H có xuống nhà kêu ông ký tên vào văn bản do ông H soạn sẵn để xác định việc ông H có xuống nhà ông, xác định bà T có nợ cửa hàng để về báo lại công ty. Ông K xác định chữ ký trong giấy xác nhận công nợ ngày 14/3/2024 là chữ ký của ông, nhưng khi ký tên vào công nợ ông không đọc nội dung. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 98/2025/DS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc V;
Buộc bà Mai Thị T (Mai Thị Bạch T) có nghĩa vụ trả bà Lê Ngọc V số tiền còn nợ là 163.300.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng).

Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 25/9/2025 bà Lê Ngọc V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, buộc Mai Văn K, Mai Thị N và Mai Thị Bạch T có nghĩa vụ liên đới trả bà V số tiền 163.300.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thanh H là người đại diện hợp pháp của bà V vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Chị Nguyễn Ngọc Minh T1 đại diện cho bà N không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà Mai Thị N đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, do tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ gì mới.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn Lê Ngọc V

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 98/2025/DS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà V phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Đơn kháng cáo của bà Lê Ngọc V làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Bị đơn bà Mai Thị T và ông Mai Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng các đương sự vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn;

Xét thấy, bà Lê Ngọc V khởi kiện yêu cầu các bị đơn Mai Thị T, Mai Văn K và Mai Thị N có nghĩa vụ liên đới trả bà V số tiền mua thức ăn chăn nuôi

còn thiếu 163.300.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Mai Thị T (Mai Thị Bạch T) thừa nhận năm 2016 và 2017 có mua thức ăn chăn nuôi heo của bà V và thiếu lại số tiền 163.300.000đ, do làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả cho bà V, nay bà T đồng ý trả số tiền này cho bà V, đây là tình tiết sự kiện được các bên đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó bản án sơ thẩm buộc bà T có nghĩa vụ trả bà V số tiền 163.300.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét kháng cáo của bà V yêu cầu Mai Văn K và Mai Thị N có nghĩa vụ liên đới với bà Mai Thị T trả tiền cho nguyên đơn, xét thấy: nguyên đơn có nộp 01 cuốn sổ tay theo dõi việc mua bán giữa nguyên đơn và bà T (bút lục 31-36) thể hiện xác định công nợ đến ngày 14/3/2017 thì chỉ một mình bà T ký xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 163.300.000đ. Toàn bộ nội dung trong cuốn sổ tay này không thể hiện có sự giao dịch mua bán giữa nguyên đơn và ông K, bà N.

Nguyên đơn chốt nợ với bà T vào ngày 14/3/2017, đến ngày 14/3/2024 tức là 07 năm sau nguyên đơn thừa nhận đánh máy sẵn 01 giấy xác nhận công nợ và viết sẵn 01 giấy xác nhận công nợ đem đến nhà yêu cầu ông Mai Văn K là cha ruột của bà T và bà Mai Thị N là chị ruột của bà T ký bảo lãnh nợ cho bà T là không phù hợp, vì không có sự thỏa thuận là ông K, bà N sẽ bảo lãnh trả nợ thay cho bà T.

Do đó bản án sơ thẩm không chấp yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông K và bà N có trách nhiệm liên đới với bà T trả số tiền 163.300.000đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bà Lê Ngọc V không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên và Luật sư tại phiên tòa.

[5] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đ.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, về nghĩa vụ thi hành án, về trách nhiệm chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Ngọc V;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 98/2025/DS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Ngọc V.

1. Buộc bà Mai Thị T (Mai Thị Bạch T) có nghĩa vụ trả bà Lê Ngọc V số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 163.300.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Lê Ngọc V phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0003414 ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà V đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, về nghĩa vụ thi hành án, về trách nhiệm chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND khu vực 4 -VL;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình

